

Số: **06** /2020/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **05** tháng **3** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 09/TTr-STTTT ngày 20/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2020 và thay thế Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn an ninh thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT/Tỉnh ủy, TT/HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Tòa án ND cấp huyện;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh; Viện KSND cấp huyện;
- Ủy ban MTTQVN cấp huyện;
- Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2020/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các nội dung khác quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông). Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các văn bản khác liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kết nối đến:

a) Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;

b) HĐND tỉnh, các cơ quan thuộc HĐND tỉnh, HĐND huyện, thị xã, thành phố; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện;

- d) Tòa án nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- e) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- g) Các đối tượng khác theo yêu cầu của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- h) Khuyến khích các cơ quan, đơn vị khác sử dụng mạng TSLCD.

2. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

3. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT, khoản 5 Điều 8 Quy chế này và khoản 1, khoản 3 Điều 8; khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng TSLCD cấp II được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được sử dụng đúng mục đích, thiết thực, hiệu quả, an toàn, được rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành, sử dụng. Phải đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần).

3. Triển khai mạng TSLCD cấp II bằng hình thức tập trung do Sở Thông tin và Truyền thông ký hợp đồng khung với doanh nghiệp viễn thông, bảo đảm khả năng vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

4. Việc sử dụng dữ liệu, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

5. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD cấp II phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

6. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

7. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II tham gia quản lý và vận hành mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

8. Các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

Dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm: dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng và các dịch vụ cộng thêm được quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II

1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

2. Phần mềm Một cửa điện tử giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

3. Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

4. Hệ thống Camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

5. Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

6. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã.

7. Các dịch vụ công trực tuyến.

8. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II

1. Cước phí sử dụng mạng TSLCD cấp II được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh và áp dụng theo Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng TSLCD của cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 8. Quy định về kết nối đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II

1. Kết nối đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12 /2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Căn cứ vào nhu cầu quản lý tập trung về kết nối và tốc độ sử dụng đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II (thông qua đề xuất của Sở Thông tin và Truyền

thông), doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối, tốc độ truy cập của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đảm bảo ổn định, thông suốt.

3. Doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập địa chỉ IP, thông số kết nối cho đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đã được Cục Bưu điện Trung ương hướng dẫn, quy hoạch cho tỉnh Quảng Trị.

4. Hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT và khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 9. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

1. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo Quy định tại Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 18 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Lập dự toán kinh phí sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 16 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các quy định của pháp luật về điều hành hoạt động, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối mạng TSLCD cấp II trong các cơ quan nhà nước khi có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và khoản 9 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị; chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng TSLCD cấp II.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

d) Tổ chức, phân công cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị, cụ thể:

Lập nhật ký theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II; quá trình kết nối, sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II của đơn vị (chỉ được phép cho nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II tiến hành xử lý và khắc phục các sự cố của thiết bị có liên quan trực tiếp đến mạng TSLCD cấp II; không được phép cho người khác sử dụng máy chủ kết nối mạng TSLCD cấp II và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị).

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

đ) Trước ngày 01 tháng 12 hằng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp xử lý sự cố kết nối với mạng TSLCD cấp II

a) Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ,...) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu,...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục.

c) Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD cấp II phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng TSLCD.

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Người sử dụng (*thuộc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II*) khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng TSLCD cấp II.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng TSLCD cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng